

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53 /2018/DS-ST

Ngày: 01/02/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoa Kiều**
2. Ông **Trương Hoàng Hoa**

Thư ký phiên tòa: Anh **Nguyễn Vĩnh Lộc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: Không tham gia

Ngày 01 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2017/TLST- DS ngày 09 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2017/QĐST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1955; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: **Nguyễn M**, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Vào năm 2012 bà có vay Ngân hàng số tiền 1.400.000.000 đồng, do quen biết nên có cho bà Nguyễn M vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,35%/tháng (03 tháng trả lãi một lần với số tiền 2.025.000 đồng), thời hạn trả 06 tháng. Khi vay chị M có lập biên nhận và có ký tên. Tuy nhiên đến thời điểm bà M không thực hiện trả tiền theo thỏa thuận, tính đến ngày 23-02-2016 bị đơn trả cho bà được 21.000.000 đồng rồi ngưng cho đến nay.

Nay bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn M phải trả số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bà Nguyễn M hiện nay vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Mirol không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà B, vắng mặt không có lý do tại các phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu bà Nguyễn M phải trả số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn M trả số tiền 50.000.000 đồng theo biên nhận ngày 23-5-2012, do đó quan hệ pháp luật giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Các đương sự đều cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Bị đơn, bà Nguyễn M đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 27, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà M.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: bà B khởi kiện yêu cầu bà M phải trả số tiền 50.000.000 đồng trên cơ sở biên nhận ngày 23-5-2012. Do đó, có căn cứ xác định bà M có vay tiền của bà B 50.000.000 đồng. Bị đơn bà Nguyễn M không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không chứng minh số nợ mà bà bạch khởi kiện đã được trả hay chưa. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[4] Do yêu cầu của bà B được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều

474 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNT-VQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Nguyễn M phải trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, thực hiện trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn M chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn M phải chịu 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị B 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 35799 ngày 09-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Phương